

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày 14 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Văn Luân

- Ông Vũ Sơn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/HSST-QĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Xìn Quang T1, sinh năm 1959 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 27-QĐ/UBKTHU ngày 10/11/2021 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Q; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Pà Thẻn; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Xìn Văn T2 và bà Hùng Sán M1 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị P và có 04 con; tiền sự, tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hùng Láo L1, sinh năm 1965 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 28-QĐ/UBKTHU ngày 06/01/2022 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Q; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Pà Thẻn; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hùng Láo L2 và bà Phù Sĩ M2 (đều đã chết); có vợ là Lừu Sán M3 và có 04 con; tiền sự, tiền án: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1981 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Làn Hồng T3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Lừ Minh T4, sinh năm: 1965; có mặt.

+ Ông Tẩn Đình K, sinh năm: 1989; có mặt.

+ Ông Sìn Ngọc H, sinh năm: 1987; có mặt.

+ Bà Lừ Thị B, sinh năm: 1983; có mặt.

+ Bà Sìn Thị A, sinh năm: 1989; vắng mặt.

+ Bà Vàng Thị Đ, sinh năm: 1991; vắng mặt.

+ Ông Tẩn Văn S, sinh năm: 1965; có mặt.

+ Ông Vũ Minh T5, sinh năm: 1964; có mặt.

+ Ông Tải Văn L4, sinh năm: 1970; vắng mặt.

Các ông, bà trên cùng nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

+ Ông Phù Văn Kh, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Ông Hứa Văn G, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Đình T6, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Tổ 8, thị trấn V, huyện D, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1978 - Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, nguyên kiêm nhiệm Phó ban thường trực Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Q; có mặt.

+ Đại diện UBND xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang: Ông Hoàng Văn T7, sinh năm 1972; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Y, huyện Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/12/2017, Xìn Quang T1 là trưởng thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, đồng thời là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng thôn M theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã Y, đã đại diện tổ bảo vệ rừng ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Q tại Hợp đồng khoán bảo vệ rừng số 306/HĐ-BQL, với diện tích rừng tự nhiên được giao khoán bảo vệ là 790ha, hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017 đến ngày 31/12/2021, tiền công bảo vệ rừng là 400.000 đồng/năm/01ha. Đồng thời với việc ký kết hợp đồng, Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng có hướng dẫn về công tác tuần tra, bảo vệ rừng và quản lý, sử dụng tiền bảo vệ rừng. Cụ thể về hoạt động tuần tra rừng phải tổ chức đi tuần tra trong diện tích rừng được giao khoán bảo vệ ít nhất 02

lần/01 tháng, việc đi tuần tra phải có ít nhất từ 03 người trở lên, trực tiếp đi vào diện tích rừng được giao khoán bảo vệ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn tình trạng khai thác rừng trái phép nếu có. Nguồn tiền khoán bảo vệ rừng được đưa vào Quỹ phát triển thôn để quản lý sử dụng, tuy nhiên do các xã chưa thành lập được Ban phát triển thôn nên thực tế, nguồn tiền này chi trả cho đại diện nhận khoán, đều do các tổ bảo vệ rừng trực tiếp quản lý, sử dụng trên cơ sở sự đồng tình thống nhất trong dân. Tiền bảo vệ rừng được ưu tiên chi trả cho công tác tuần tra bảo vệ rừng trên cơ sở chấm công tuần tra rừng đối với các thành viên trong tổ bảo vệ rừng, số tiền dư được chi sử dụng cho các hoạt động khác để đảm bảo cho các hoạt động chung của cộng đồng dân cư, nhưng đều phải được thống nhất trong tổ và nhân dân trong thôn. Tổ bảo vệ rừng phải dựa trên cơ sở thực tế ngày công đi tuần tra rừng của các thành viên, có bảng chấm công hoặc biên bản tuần tra rừng để làm căn cứ chi tiền công bảo vệ rừng. Định mức chi tiền công tuần tra rừng do tổ bảo vệ rừng tự thống nhất với nhân dân trong thôn, định hướng chi tiền công không quá 300.000đ/01 ngày công.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, với chức trách, nhiệm vụ là tổ trưởng Tổ bảo vệ rừng thôn M, Xìn Quang T1 đã tổ chức phân công cho các thành viên trong tổ thực hiện hoạt động tuần tra rừng, nhưng khi tuần tra rừng không lập bảng chấm công hoặc biên bản tuần tra, khi chi trả tiền công tuần tra rừng đã không dựa trên cơ sở thực tế ngày công đi tuần tra rừng của các thành viên. Cụ thể năm 2017, tổ bảo vệ rừng thôn M không thực hiện hoạt động tuần tra rừng, nhưng để được thanh toán tiền công tuần tra bảo vệ rừng, Xìn Quang T1 đã có hành vi hợp thức hóa, tự lập danh sách, chấm ngày công khống cho bản thân và các thành viên trong tổ. Năm 2018, Hùng Láo L1, là phó thôn M được bổ sung làm thành viên tổ bảo vệ rừng; Xìn Quang T1 đã giao việc tổ chức các hoạt động tuần tra rừng, ghi chép sổ sách chấm công tuần tra cho Hùng Láo L1. Từ năm 2018 đến năm 2021, Hùng Láo L1 đã tổ chức nhiều buổi tuần tra, bảo vệ rừng cùng với một số thành viên trong tổ, nhưng không ghi chép chấm công, không lập biên bản tuần tra rừng. Khi nhận tiền khoán bảo vệ rừng từ Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Q, Xìn Quang T1 biết có nhiều thành viên trong tổ bảo vệ rừng không đi tuần tra hoặc tuần tra ít, nhưng đã trao đổi, bàn bạc với Hùng Láo L1 hợp thức hóa, lập danh sách, chấm ngày công đồng đều cho Xìn Quang T1 cũng như tất cả các thành viên trong tổ. Hùng Láo L1 tuy thấy việc chấm công là không đúng thực tế, nhưng vẫn thực hiện theo ý kiến của Xìn Quang T1. Sau khi lập danh sách, chấm ngày công, Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 mới thông báo cho các thành viên khác đến nhận tiền công bảo vệ rừng. Ngoài ra Xìn Quang T1 còn chỉ đạo Hùng Láo L1 chấm ngày công, chi trả tiền công tuần tra rừng năm 2019, năm 2020 cho một số công chức xã không nằm trong danh sách tổ bảo vệ rừng. Với việc nâng khống ngày công, chi tiền công tuần tra rừng không đúng thực tế, Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 đã gây thiệt hại, thất thoát tiền khoán bảo vệ rừng do Nhà nước chi trả cho cộng đồng dân cư thôn M. Đến tháng 6 năm 2021, công dân trong thôn có đơn gửi đến cơ quan chức năng phản ánh một số sai phạm của Xìn Quang T1 - Trưởng thôn và Ban quản lý thôn M. Qua xác minh theo đơn, xét thấy có dấu hiệu tội phạm, Thanh tra huyện Q có công văn số 78/CV-Ttr ngày 01/11/2021, kiến nghị Công an huyện Q xem xét, khởi tố vụ án hình sự.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra làm rõ số tiền thất thoát do chi sai cho từng người như sau:

1. Xìn Quang T1: Là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng thôn M từ năm 2017 đến năm 2021, vì lý do sức khỏe, chỉ tham gia tuần tra rừng được 11 ngày công, hưởng tương ứng là 11 ngày công x 250.000 đồng/01 ngày công = 2.750.000 đồng, nhưng đã chấm thành 138,5 công, nhận số tiền 35.000.000 đồng, chênh lệch cao hơn tiền công thực tế, thất thoát số tiền 32.250.000 đồng (Xìn Quang T1 đã nộp lại số tiền là 11.500.000 đồng).

2. Tần Đình K: Là thành viên tổ bảo vệ rừng từ năm 2017 đến năm 2021, thực tế tham gia tuần tra rừng được 106 ngày công, hưởng tương ứng là 106 ngày công x 250.000 đồng/01 ngày công = 26.500.000 đồng, nhưng được chấm thành 138,5 công, nhận số tiền 35.000.000 đồng, chênh lệch cao hơn tiền công thực tế, thất thoát số tiền là 8.500.000 đồng (Tần Đình K đã nộp lại số tiền là 11.500.000 đồng).

3. Sìn Ngọc H: Là thành viên tổ bảo vệ rừng từ năm 2017 đến năm 2021, thực tế tham gia tuần tra rừng được 106 ngày công, hưởng tương ứng là 106 ngày công x 250.000 đồng/01 ngày công = 26.500.000 đồng, nhưng được chấm thành 138 công, nhận số tiền 34.900.000 đồng, chênh lệch cao hơn tiền công thực tế, thất thoát số tiền là 8.400.000 đồng (Sìn Ngọc H đã nộp lại số tiền là 11.400.000 đồng).

4. Lừ Minh T4: Là thành viên tổ bảo vệ rừng từ năm 2017 đến năm 2021, thực tế tham gia tuần tra rừng được 86 ngày công, hưởng tương ứng số tiền x 250.000 đồng/01 ngày công = 21.500.000 đồng, nhưng được chấm thành 138 công, nhận số tiền 34.900.000 đồng, chênh lệch cao hơn tiền công thực tế, thất thoát số tiền 13.400.000 đồng (Lừ Minh T4 đã nộp lại số tiền là 11.400.000 đồng).

5. Tần Văn S: Là thành viên tổ bảo vệ rừng trong năm 2019, không tham gia tuần tra rừng, nhưng được chấm thành 35 công, chi sai, thất thoát số tiền là 10.500.000 đồng (Tần Văn S đã nộp lại số tiền là 10.300.000 đồng).

6. Vũ Minh T5: Là thành viên tổ bảo vệ rừng trong năm 2020 và năm 2021, thực tế năm 2020 không tham gia tuần tra rừng, năm 2021 tham gia tuần tra rừng được 02 ngày công, hưởng tương ứng 02 ngày công x 250.000 đồng/01 ngày công = 500.000 đồng, nhưng được chấm thành 44 công, nhận số tiền 11.000.000 đồng, chênh lệch cao hơn tiền công thực tế, thất thoát số tiền 10.500.000 đồng (Vũ Minh T5 đã nộp lại số tiền là 1.500.000 đồng).

7. Lừ Thị B: Là thành viên tổ bảo vệ rừng trong ba năm, từ năm 2019 đến năm 2021, không tham gia tuần tra rừng, nhưng đã được chấm thành 89 công, chi sai, thất thoát số tiền 21.500.000 đồng (Lừ Thị B đã nộp lại số tiền là 14.800.000 đồng).

8. Vàng Thị Đ: Là thành viên tổ bảo vệ rừng trong năm 2018, không tham gia tuần tra rừng, nhưng đã được chấm thành 32 công, chi sai, thất thoát số tiền 8.000.000 đồng (các bị cáo Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 đã thay bà Đ nộp lại số tiền là 2.000.000 đồng).

9. Sìn Thị A: Là thành viên tổ bảo vệ rừng trong năm 2018, không tham gia tuần tra rừng, nhưng đã được chấm thành 27 công, chi sai, thất thoát số tiền

5.400.000 đồng (Sìn Thị A đã nộp lại số tiền là 4.600.000 đồng).

10. Phù Văn Kh: Là công chức lâm nghiệp xã Y, không phải thành viên tổ bảo vệ rừng thôn M, nhưng năm 2019, năm 2020 được Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 chấm 13 ngày công tuần tra rừng, chi sai, thất thoát số tiền 3.000.000 đồng (Phù Văn Kh đã nộp lại số tiền là 3.000.000 đồng).

11. Hứa Văn G: Là công chức địa chính nông nghiệp xã Y, không phải thành viên tổ bảo vệ rừng thôn M, nhưng năm 2019, năm 2020 được Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 chấm 13 ngày công tuần tra rừng, chi sai, thất thoát số tiền 3.000.000 đồng (Hứa Văn G đã nộp lại số tiền là 3.000.000 đồng).

12. Hoàng Đình T6: Là công chức Hạt Kiểm lâm huyện Q, phụ trách địa bàn xã Y, không phải thành viên tổ bảo vệ rừng thôn M, nhưng năm 2019, năm 2020 được Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 chấm 14 ngày công tuần tra rừng, chi sai, thất thoát số tiền 3.200.000 đồng (Hoàng Đình T6 đã nộp lại số tiền là 3.200.000 đồng).

Riêng Hùng Láo L1, quá trình điều tra xác định từ năm 2018 đến năm 2021, Hùng Láo L1 là người đứng ra tổ chức và trực tiếp thực hiện tất cả các buổi tuần tra, do đó có số ngày công cao nhất tổ, là 111 ngày công, tương ứng số tiền được hưởng là 29.500.000 đồng, đúng với thực tế (Hùng Láo L1 đã nộp lại số tiền là 6.800.000 đồng).

Như vậy tổng số tiền chi sai, gây thất thoát trong vụ án xác định được là: 127.650.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSQB ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố các bị cáo Xìn Quang T1 và Hùng Láo L1 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Xìn Quang T1 và Hùng Láo L1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 356, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Xìn Quang T1 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng; xử phạt bị cáo Hùng Láo L1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Điều 41, khoản 4 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, không phạt tiền các bị cáo, cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn, phó thôn trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, đối chiếu số tiền đã chi sai và số tiền mà các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã giao nộp lại để buộc họ phải trả số tiền còn thiếu cho Ban quản lý thôn M hoặc tuyên trả lại cho họ số tiền thừa, nếu có. Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo do

họ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và họ có đơn xin miễn án phí; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải trả số tiền còn thiếu cho Ban quản lý thôn M thì phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình về tội danh và áp dụng pháp luật. Nguyên nhân chính dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do sự nhận thức về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo chỉ nghĩ đơn giản rằng để có thêm tiền do các thành viên đã làm công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong công tác bảo vệ rừng, không biết rằng hành vi của mình làm trái với quy định của pháp luật. Việc các bị cáo phạm tội có lỗi rất lớn của Ban Quản lý bảo vệ và phát triển rừng huyện Q và chính quyền địa phương xã, hàng năm có kế hoạch kiểm tra, giám sát, tuy nhiên việc kiểm tra, giám sát không chặt chẽ, nên mới dẫn đến việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong một khoảng thời gian dài mới phát hiện ra. Các bị cáo hiện nay đều tuổi đã cao, đều là người có uy tín trong thôn, đã nhiều năm làm trưởng, phó thôn, đã có công đóng góp để xây dựng thôn được như ngày hôm nay. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là người phạm tội bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trước khi phạm tội các bị cáo đều chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật nhà nước, nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Bị cáo Xìn Quang T1, đã có quá trình tham gia công tác làm việc tại xã Y và thôn bản đã có nhiều thành tích được khen thưởng, có bố được tặng huân chương kháng chiến hạng III, bản thân bị cáo tuổi đã cao, có bệnh nền mãn tính, hàng tháng phải đi bệnh viện thăm khám; đại diện bị hại và một bộ phận nhân dân xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Hùng Láo L1, đã có quá trình tham gia công tác đoàn thể tại thôn bản có nhiều thành tích được khen thưởng; đại diện bị hại và một bộ phận nhân dân xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Xìn Quang T1 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo Hùng Láo L1 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định. Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả một phần đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về án phí: Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Bị cáo T1 và bị cáo L1 đều nhất trí với ý kiến bào chữa và trình bày là do trình độ, nhận thức hạn chế nên đã vi phạm pháp luật; đều đã nhận thức được việc làm sai trái của mình; hiện nay đều đã tuổi cao, sức yếu, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, yêu cầu bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường khoản tiền đã thất thoát cho Ban quản lý thôn M, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều nhất trí với luận tội phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Về họ tên của bị cáo Xìn Quang T1: Bị cáo khai họ tên là Xìn Quang T1; tuy nhiên, trong một số giấy tờ như Hợp đồng khoán bảo vệ rừng số 306/HĐ-BQL ngày 22/12/2017 với Ban quản lý dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Q và trong Danh sách Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng huyện Q phát tiền công bảo vệ rừng tự nhiên xã Y, trong đó có thôn M thì bị cáo lại ký tên là Sìn Quang T1. Bị cáo khẳng định những chữ ký đó là do chính bị cáo ký. Bị cáo khẳng định họ tên chính xác của bị cáo là Xìn Quang T1, được thể hiện trong Căn cước công dân của bị cáo.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận có các hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo Xìn Quang T1, là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng thôn M, trong thời gian thực hiện Hợp đồng khoán bảo vệ rừng số 306/HĐ-BQL ngày 22/12/2017 (có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2017 đến ngày 31/12/2021) với Ban quản lý dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Q đã thực hiện việc lập khống ngày công tuần tra rừng cao hơn thực tế, để hợp thức hóa, chi sai tiền khoán bảo vệ rừng cho bản thân bị cáo Xìn Quang T1 và các thành viên khác trong tổ bảo vệ rừng, gây thất thoát thiệt hại tài sản là nguồn quỹ bảo vệ rừng của thôn M với số tiền 127.650.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo Hùng Láo L1 tuy biết việc lập khống ngày công tuần tra rừng cao hơn thực tế, để hợp thức hóa, chi sai tiền khoán bảo vệ rừng là vi phạm, nhưng vì nể nang vẫn thực hiện theo ý kiến của Xìn Quang T1, bản thân Hùng Láo L1 là người trực tiếp lập các chứng từ khống về ngày công tuần tra rừng. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quan hệ xã hội bảo đảm tính đúng đắn của hoạt động của tổ tuần tra rừng thôn M, gây thiệt hại về tài sản là thất thoát tiền khoán bảo vệ rừng do Nhà nước chi trả cho cộng đồng dân cư thôn M. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù 01 năm đến 05 năm, hình phạt bổ sung là người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

[4] Về nguyên nhân và điều kiện phạm tội: Do các bị cáo khi tổ chức hoạt động tuần tra rừng, không thực hiện việc chấm công, lập biên bản tuần tra rừng nên đến khi có tiền khoán bảo vệ rừng, không có cơ sở chi tiền cho các thành viên tổ bảo

vệ rừng; mặt khác, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức còn hạn chế, suy nghĩ đơn giản nên dẫn đến hành động lập khống ngày công tuần tra rừng cao hơn thực tế, để hợp thức hóa, chi sai tiền khoán bảo vệ rừng và việc chi sai tiền này không chỉ cho bản thân mình mà còn cho các thành viên khác trong tổ bảo vệ rừng, chứ không phải hoàn toàn vì động cơ vụ lợi cho cá nhân các bị cáo.

[5] Trong vụ án này, bị cáo Xìn Quang T1 là tổ trưởng tổ bảo vệ rừng, có vai trò chính trong việc thực hiện tội phạm, tuy nhiên việc chấm khống ngày công không nhằm mục đích vụ lợi cho riêng bị cáo T1 mà còn có lợi cho tất cả các thành viên trong tổ bảo vệ rừng. Bị cáo Hùng Láo L1 từ năm 2018 đã được bị cáo Tuyên giao việc tổ chức các hoạt động tuần tra rừng, ghi chép sổ sách chấm công tuần tra rừng nhưng không ghi chép chấm công, không lập biên bản tuần tra rừng, dẫn đến không có cơ sở chi trả tiền công cho các thành viên tổ bảo vệ rừng; đây cũng là một trong các nguyên nhân dẫn đến tội phạm. Khi được bị cáo T1 trao đổi về việc chấm khống ngày công cho các thành viên tổ bảo vệ rừng thì bị cáo Lở cũng không phản đối, bản thân bị cáo L1 là người trực tiếp lập các chứng từ khống về ngày công tuần tra rừng. Tuy nhiên, việc làm của bị cáo L1 không phải vì vụ lợi mà vì có sự nể nang bị cáo T1; việc chấm khống ngày công là có lợi cho các thành viên khác trong tổ bảo vệ rừng, còn bản thân bị cáo L1 được hưởng số tiền đúng với số ngày công thực tế của bị cáo.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần được xử lý nghiêm minh, trừng trị đúng người phạm tội, giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật cũng như giáo dục chung cho những người khác phải tôn trọng pháp luật, để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Tuyên có bố đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bản thân bị cáo T1 trong quá trình công tác tại thôn, xã đã được Ban chấp hành Đảng bộ huyện, xã, Ủy ban nhân dân huyện, xã tặng nhiều giấy khen; về sức khỏe thì bị cáo T1 bị tăng huyết áp, cơn đau thắt ngực, có sổ điều trị bệnh mãn tính; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Xét các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà vẫn đảm bảo được sự trừng trị người phạm tội, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong việc phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy số tiền thu lợi được không lớn, căn cứ vào hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn, phó thôn với thời hạn là 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại Điều 41 và khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

[10] Đối với các thành viên khác trong tổ bảo vệ rừng của thôn M gồm Tân Đình K, Sìn Ngọc H, Lừ Minh T4, Vũ Minh T5, Tấn Văn S, Lừ Thị B, Vàng Thị Đ, Sìn Thị A, đã có hành vi nhận tiền công tuần tra rừng không đúng thực tế, các ông Phù Văn Kh, Hứa Văn G, Hoàng Đình T6, đã có hành vi nhận tiền công tuần tra rừng bảo vệ rừng dù không phải là thành viên của tổ bảo vệ rừng, nhưng những người này không biết rõ, không có hành vi giúp sức cho Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 trong việc thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời đã tự nguyện giao nộp số tiền công tuần tra rừng có do chi sai theo kết luận của đoàn thanh tra, nên không xem xét xử lý.

[11] Đối với số tiền 3.750.000 đồng năm 2021 chi cho 15 công đi tuần tra để vận động nhân dân không khai thác măng rừng, trong đó có ông Tải Văn L4 được chi cho 01 công là 250.000 đồng: Xét thấy nhiệm vụ này được sự chỉ đạo của xã và được thống nhất trong tổ và nhân dân trong thôn, ông L4 là được tổ bảo vệ rừng trung tập đi làm nhiệm vụ này, nên chấp nhận việc chi tiền cho số ngày công này là đúng thực tế.

[12] Về trách nhiệm của các cơ quan chức năng có liên quan, Thanh tra huyện Q đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Q xem xét kiểm điểm, xử lý. Nên không xem xét trong vụ án này.

[13] Về dân sự và vật chứng: Cần đối chiếu số tiền đã chi sai và số tiền mà các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã giao nộp lại (tổng cộng là 95.000.000 đồng, hiện nằm trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, theo Lệnh thanh toán các ngày 12 và 13/4/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang) để buộc họ phải trả số tiền còn thiếu cho Ban quản lý thôn M hoặc tuyên trả lại cho họ số tiền thừa, nếu có. Các vật chứng là chứng từ, sổ sách được đánh số bút lục, đưa vào bảo quản kèm theo hồ sơ vụ án.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[15] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Về hình phạt: Căn cứ các khoản 1, 4 Điều 356, Điều 41, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Xìn Quang T1 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Xử phạt bị cáo Hùng Láo L1 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo Xìn Quang T1 và Hùng Láo L1 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các bị cáo Xìn Quang T1 và Hùng Láo L1 bị cấm đảm nhiệm chức vụ trưởng thôn, phó thôn với thời hạn là 01 (một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về dân sự và vật chứng: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

1. Tuyên buộc:

- Bị cáo Xìn Quang T1 phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 20.750.000 đồng (hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ông Lừ Minh T4 phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Ông Vũ Minh T5 phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

- Ông Tân Văn S phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Bà Lừ Thị B phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Bà Sìn Thị A phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

- Bà Vàng Thị Đ phải trả cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Số tiền 95.000.000 đồng, hiện nằm trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, theo Lệnh thanh toán (tiền mặt) có số tham chiếu là 2220410302784544 ngày 12/4/2022 và Lệnh thanh toán (tiền mặt) có số tham chiếu

là 2220410302786054 ngày 13/4/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, xử lý như sau:

- Trả lại cho bị cáo Hùng Láo L1 số tiền là 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho ông Tấn Đình K số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Trả lại cho ông Sìn Ngọc H số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Trả lại cho Ban quản lý Thôn M, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang số tiền là 82.200.000 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Xìn Quang T1, Hùng Láo L1 được miễn các loại án phí.

- Ông Lừ Minh T4 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Ông Vũ Minh T5 phải chịu 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Ông Tấn Văn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bà Lừ Thị B phải chịu 335.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bà Sìn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

- Bà Vàng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng